TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 151/2023/HS-ST
Ngày: 18 - 7 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyến

Ông Trần Văn Điệp

- Thư ký phiên Tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Đình Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 220/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 1110/2021/HSST-QĐ, ngày 17/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/HSST-QĐ, ngày 13/01/2022, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 161/TB-TA, ngày 26/6/2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 318/TB-TA ngày 12/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Võ Văn T (T1), sinh ngày 1991, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C1 và bà Nguyễn Thị Bạch T2; có vợ là Đoàn Thị Thanh T3 có 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/4/2021 đến ngày 20/4/2021 được hủy bỏ tạm giữ, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Nguyễn Anh P2, sinh ngày 1995, tại Tp. Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 1024/20 H, khu phố 4, p. T3, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn S và bà Lê Thị Hồng L2; có vợ là Nguyễn Kim P3 có 1 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/4/2021 đến ngày 20/4/2021 được hủy bỏ tạm giữ, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Nguyễn Xân T4, sinh năm 1993 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn T5, xã C2, huyện C3, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn T6 và bà Mai Thị Ngọc H1; chưa vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/4/2021 đến ngày 20/4/2021 được hủy bỏ tạm giam, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 09/6/2023 bị bắt tạm giam lại cho đến nay (có mặt).

4. Lý T7 (T8), sinh năm 1998 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp T9, xã M, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Đường K, ấp 2, xã T10, huyện B, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý N1 và bà Danh Thị S1; chưa vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/4/2021 đến ngày 20/4/2021 được hủy bỏ tạm giữ, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 09/6/2023 bị bắt tạm giam lại cho đến nay (có mặt)

- *Bị hại:* Công ty Cổ phần H2 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường số 8, khu công nghiệp N II – N2, thị trấn H3, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Văn T, Nguyễn Anh P2, Nguyễn Xân T4 và Lý T7 là công nhân Công ty Cổ phần H2 thuộc khu công nghiệp II N, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Vào khoảng 02 giờ ngày 11/04/2021, T rủ P2, T4 và T7 trộm cắp dây điện của Công ty Cổ phần H2 để bán lấy tiền tiêu xài nhưng T7 không đồng ý. Sau đó, T, P2 và T4 lấy trộm 01 cuộn dây cáp điện lõi đồng bỏ lên xe nâng tay và cùng nhau đẩy ra ngoài hàng rào giáp đường N1 phía sau công ty. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, T xin về và điều khiển xe mô tô biển số 70K - 3914 ra đường N1 chở cuộn dây điện vừa trộm cắp được mang đi tiêu thụ. Do cuộn dây điện quá nặng, T không khiêng nổi lên xe mô tô của T nên T gọi điện cho Lý T7 ra để khiêng cuộn dây điện lên xe mô tô biển số 70K - 3914 của T. Mặc dù biết cuộn dây điện là do trước đó T, P2 và T4 lấy trộm của Công ty Cổ phần H2 nhưng T7 vẫn xin đi ra ngoài và cùng T khiêng cuộn dây điện lên xe của T để mang đi tiêu thụ. Khi T đang chở cuộn dây điện đi tiêu thụ thì bị Công an Đồn khu công nghiệp N phát hiện bắt quả tang và chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra còn xác định vào đầu tháng 4/2021, Võ Văn T rủ Nguyễn Anh P2 thực hiện hành vi trộm cắp 14 kg dây điện lõi đồng của Công ty Cổ phần H2 mang ra ngoài hàng rào công ty. Sau đó, T rủ Lý T7 giúp sức khiêng số dây điện lõi đồng lên xe của T mang đi bán cho một người đàn ông mua phế liệu (không rõ nhân thân) được số tiền 1.200.000 đồng, chia nhau mỗi người 400.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Tại biên bản, kết luận định giá tài sản số: 54/BB.HĐĐG ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện N kết luận: 80m dây điện hiệu

Lion Vcm 120 Cu/Pvc 0.6/1Kv có trị giá 21.384.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, ba trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

Tại kết luận định giá tài sản số: 107/KLĐG-HĐĐG ngày 26/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận 01 đoạn dây điện hiệu Lion Vcm 120 Cu/Pvc 0.6/1Kv, T lượng 14 kg, dài 11m có trị giá 2.286.900 đồng (Hai triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm đồng).

Tình tiết tăng nặng: Các bị can Võ Văn T, Nguyễn Anh P2 và Lý T7 phạm tội 02 lần trở lên.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị can Nguyễn Xân T4 phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; tài sản đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm T; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Các bị can Võ Văn T, Nguyễn Anh P2 và Lý T7 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Vật chứng vụ án: 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 70K – 3914; 01 (một) cuộn cáp lõi đồng ký hiệu Lion Vcm 120 Cu/Pvc 0.6/1Kv dài 80 m, T lượng 98 kg; 01 (một) xe mô tô hiệu Excenter, biển kiểm soát 83M1 - 063.45; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A53 của Lý T7; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia của Võ Văn T.

Xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT đã trả lại 01 (một) cuộn cáp lõi đồng ký hiệu LION VCm 120 Cu/PVC 0.6/1Kv dài 80 m, T lượng 98 kg cho bị hại là Công ty Cổ phần H2; trả lại 01 (một) xe mô tô hiệu Excenter, biển kiểm soát: 83M1 – 063.45 cho Lý T7 vì không liên quan đến vụ án.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, màu đỏ, biển kiểm soát: 70K – 3914, do chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan CSĐT tiếp tục tạm giữ.

Đề nghị Tòa tuyên: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A53 của Lý T7; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia của Võ Văn T là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Anh P2 và Lý T7 đã nộp bồi thường cho Công ty Cổ phần H2 số tiền 2.286.900 đồng (Hai triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm đồng).

Tại bản cáo trạng số 150/CT.VKSNT ngày 17/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai truy tố Võ Văn T, Nguyễn Anh P2 và Nguyễn Xân T4 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Lý T7 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Anh P2 và Nguyễn Xân T4 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Lý T7 về

tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; xử phạt Võ Văn T từ 18 đến 20 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Anh P2 từ 18 đến 20 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Xân T4 từ 16 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt Lý T7 từ 10 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã nộp bồi thường cho bị hại, nên không xem xét.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đã biết tội của mình, rất ăn năn hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo T, P2, T4 và T7 khai nhận: Vào khoảng 02 giờ ngày 11/04/2021, bị cáo rủ P2, T4 và T7 trộm cắp dây điện của Công ty Cổ phần H2 để bán lấy tiền tiêu xài nhưng T7 không đồng ý. Sau đó, T, P2 và T4 lén lút lấy trộm 01 cuộn dây cáp điện lõi đồng bỏ lên xe nâng tay và cùng nhau đẩy bỏ ra ngoài hàng rào giáp đường N1 phía sau công ty. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, bị cáo T xin về và điều khiển xe mô tô biển số 70K - 3914 ra đường N1 chở cuộn dây điện vừa trộm cắp được mang đi tiêu thụ. Do cuộn dây điện quá nặng, bị cáo không khiêng nổi lên xe mô tô nên T gọi điện cho Lý T7 ra để khiêng cuộn dây điện lên xe mô tô biển số: 70K – 3914. Mặc dù biết cuộn dây điện là do trước đó T, P2 và T4 lấy trộm của Công ty Cổ phần H2 nhưng T7 vẫn xin đi ra ngoài và cùng T khiêng cuộn dây điện lên xe của T để mang đi tiêu thụ. Khi T đang chở cuộn dây điện đi tiêu thụ thì bị Công an Đồn khu công nghiệp N phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Ngoài ra bị cáo T, P2, T7 còn khai vào đầu tháng 4/2021, bị cáo rủ P2 thực hiện hành vi trộm cắp 14 kg dây điện lõi đồng phế liệu đã cắt vụn của Công ty Cổ phần H2 mang ra ngoài hàng rào công ty. Sau đó, bị cáo T rủ Lý T7 giúp sức đem số dây điện lõi đồng lên xe của T mang đi bán cho một người đàn ông mua phế liệu

(không rõ nhân thân) được số tiền 1.200.000 đồng, chia nhau mỗi người 400.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, tang vật thu giữ, lời khai bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Anh P2 và Nguyễn Xân T4 phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Lý T7 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất của vụ án mà bị cáo thực hiện là ít nghiêm T, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa P2. Trong vụ án này, tuy các bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, không có bàn bạc phân công vai trò cụ thể và cũng không có sự điều khiển của người nào nên đây chỉ là dạng đồng phạm giản đơn.

[4] Xét về nhân thân, hành vi, động cơ, tính chất, mục đích, mức độ và hậu quả trong việc phạm tội của từng bị cáo có khác nhau cho nên cần xem xét vai trò của từng bị cáo: Bị cáo T là người rủ rê, bị cáo P2 là đồng phạm cùng hai lần thực hiện việc trộm tài sản; bị cáo T4 là đồng phạm bị rủ rê chỉ tham gia trộm tài sản một lần. Tài sản bị thiệt hại nhỏ chỉ có 2.286.900 đồng. Bị cáo T7 biết tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp sức để cho bị cáo T đem đi tiêu thụ và được chia số tiền 400.000 đồng. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T, P2 và T7 phạm tội hai lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T, P2 và T7 đã nộp tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại xong; lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm T; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, bị cáo T và P2 đang nuôi con nhỏ đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T4 phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm T; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết trên cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6.1] Các bị cáo T, P2 và T7 tuy phạm tội hai lần nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm T. Bốn bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù vì các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[7] Các biện pháp tư pháp: Bị cáo T, P2 và T7 đã nộp số tiền 2.286.900 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N ngày 18/11/2022 để bồi thường cho bị hại. Do đó, cần tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo việc thi hành án.

[7.1] Cơ quan CSĐT đã trả lại 01 (một) cuộn cáp lõi đồng ký hiệu Lion Vcm 120 Cu/Pvc 0.6/1Kv dài 80 m, T lượng 98 kg cho bị hại là Công ty Cổ phần H2; trả lại 01 (một) xe mô tô hiệu Excenter, biển kiểm soát: 83M1 – 063.45 cho Lý T7 vì không liên quan đến vụ án là phù hợp.

[7.2] Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, màu đỏ, biển kiểm soát: 70K – 3914, do chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan CSĐT tiếp tục tạm giữ là đúng pháp luật.

[7.3] Một điện thoại di động hiệu Oppo A53 của Lý T7; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia của Võ Văn T là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu xung công quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Đối với người đàn ông mua dây đồng do T và đồng phạm phạm tội mà có, do chưa rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh là rõ xử lý sau là đúng pháp luật.

[10] Xét đề nghị của Viện kiểm sát: Về tội danh, tình tiết tăng nặng đối với bị cáo T, P2 và T7 là có cơ sở; về tình tiết giảm nhẹ áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, P2 và T7 là chưa đầy đủ, vì bị cáo T, P2 và T7 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm T, bị cáo T, P2 đang nuôi con nhỏ, có nhân thân tốt; bị cáo T7 có nhân thân tốt. T, P2 và T4 là đồng phạm cùng trộm cắp tài sản nhưng không áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự là thiếu sót. Do đó, cần phải áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự đối với bị cáo T, P2 và T7 và Điều 58 Bộ luật hình sự đối với T, P2 và T4. Về đề nghị mức hình phạt tù đối với các bị cáo T, P2 và T7 là không cần thiết mà cho các bị cáo hưởng án treo như nhận định ở trên của Hội đồng xét xử cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326, 327 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Võ Văn T, Nguyễn Xân T4, Nguyễn Anh P2 phạm tội "trộm cắp tài sản"; bị cáo Lý T7 phạm tội "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có ";

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Võ Văn T (T1) 1 (một) năm 4 (bốn) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 2 (hai) năm 8 (tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Võ Văn T cho UBND xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh P2 1 (một) năm 2 (hai) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 2 (hai) năm 4 (bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Anh P2 cho UBND phường T3, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xân T4 1 (một) năm tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 2 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Xân T4 ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Nguyễn Xân T4 cho UBND xã C2, huyện C3, tỉnh Khánh Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Lý T7 (T8) 10 (mười) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 1 (một) năm 8 (tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trả tự do cho bị cáo Lý T7 ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Lý T7 cho UBND xã T10, huyện B, Tp. Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo T, P2 và T7 bồi thường thiệt hại tài sản cho Công ty Cổ phần H2 số tiền 2.286.900 đồng (đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh

Đồng Nai theo biên lai thu tiền số 0002031 ngày 18/11/2022). Tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo việc thi hành án.

Tịch thu xung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo A53 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện N đang tạm giữ theo biên bản giao nhận ngày 09/11/2021.

Về án phí: Bị cáo T, P2, T4 và T7 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TA, VKS tỉnh ĐN;
-VKS, CA, THA cùng cấp;
-Người tham gia tố tụng;
-Lưu hồ sơ, TA.

Nguyễn Hữu Tài